FireAnt

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
SL cổ phiếu LH	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	329,245
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	391
P/E	8.8
EPS	1,227

	YTD	1T	3T	6T
C47	79.5%	7.7%	53.6%	58.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

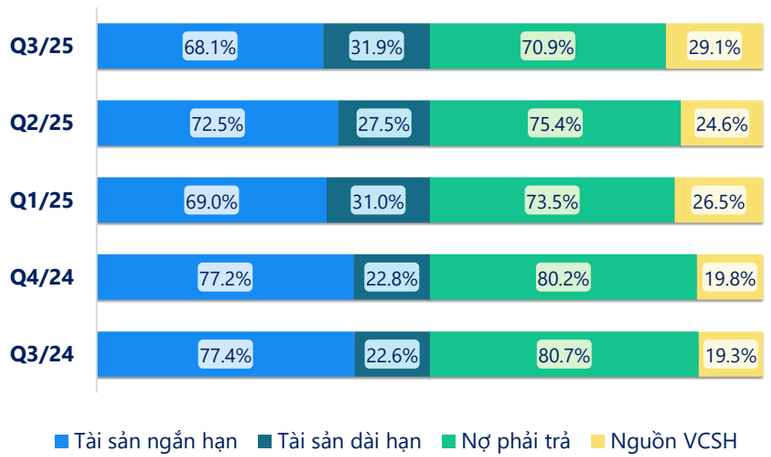

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

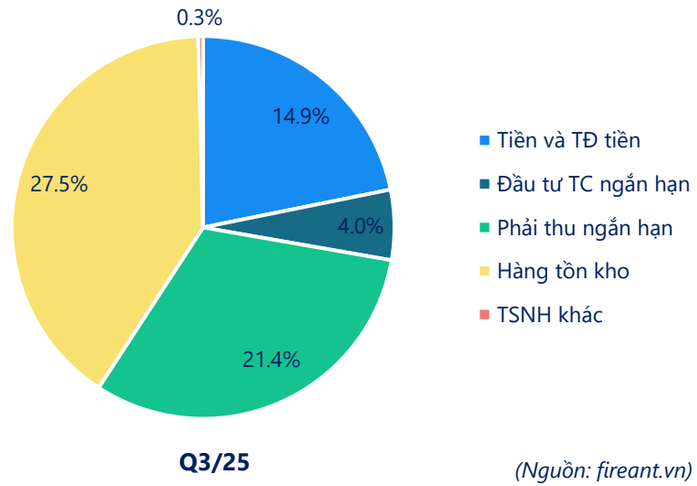

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

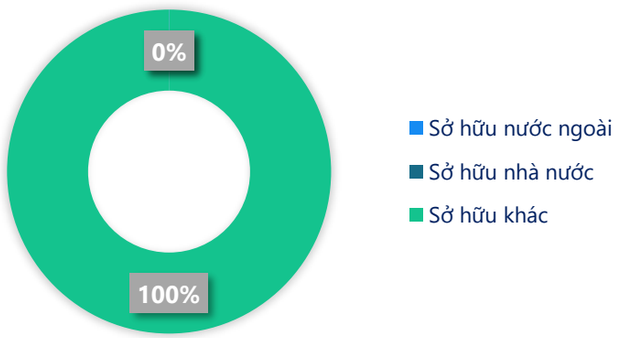

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

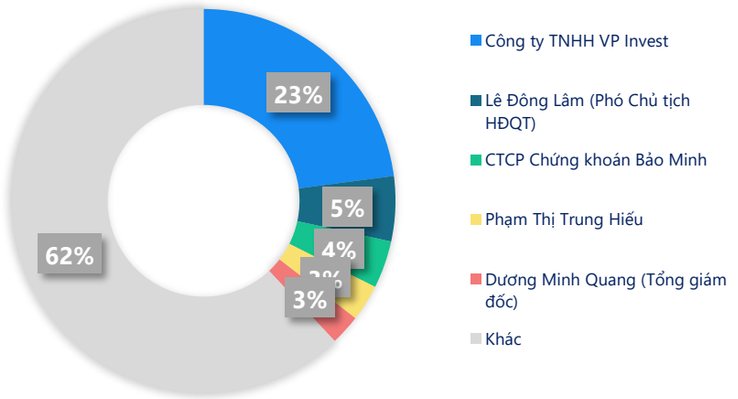

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

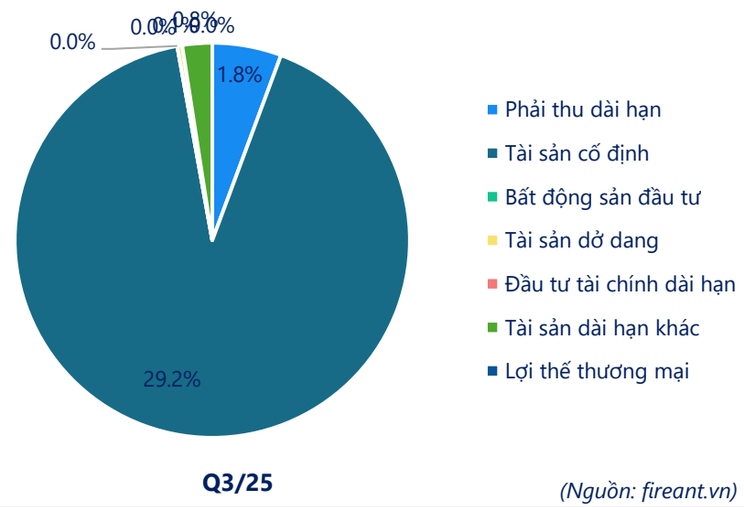

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Tiền và tương đương tiền

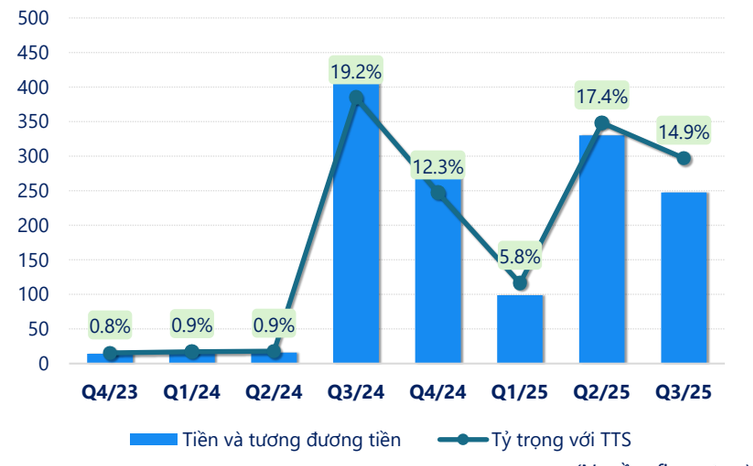

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

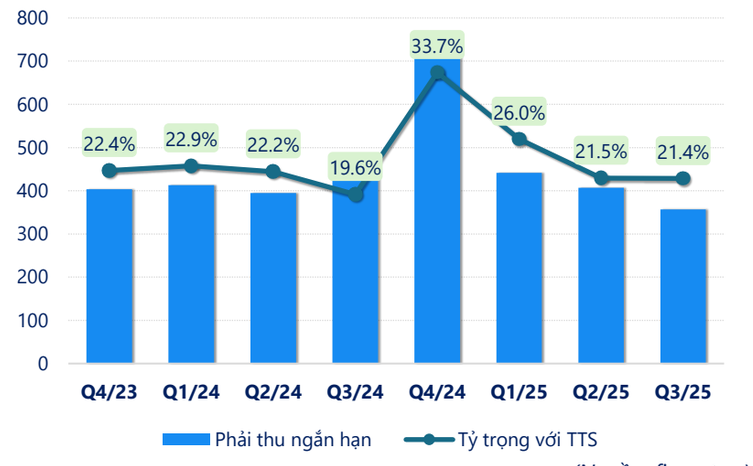

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

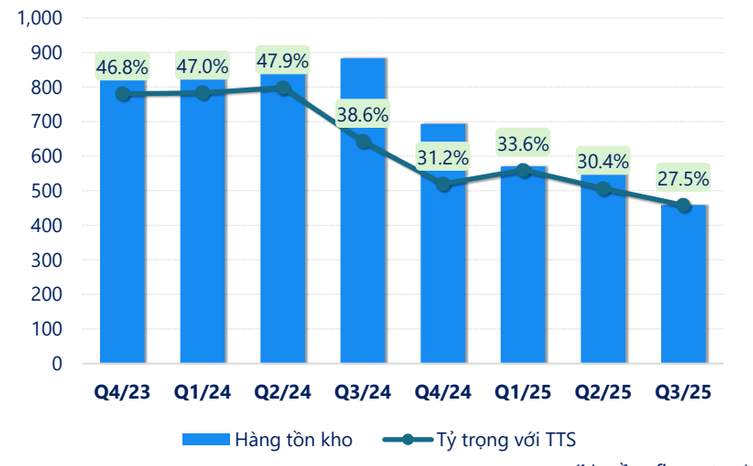

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

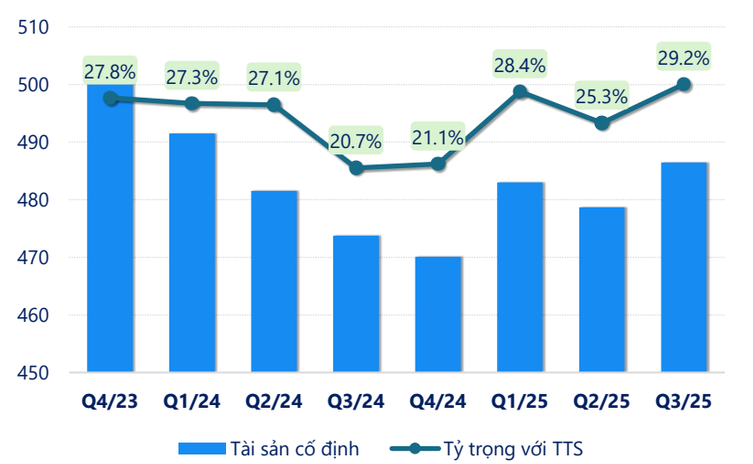

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

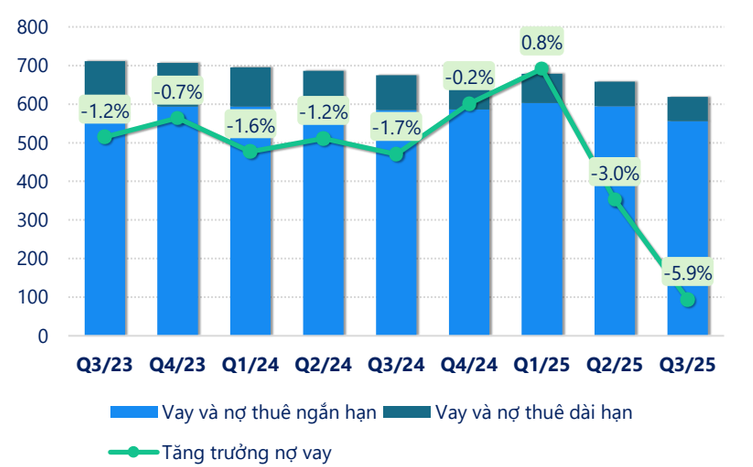

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

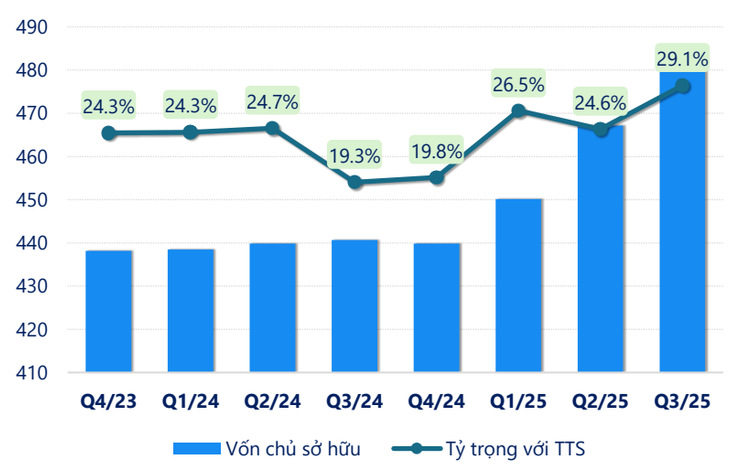

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Kết quả kinh doanh

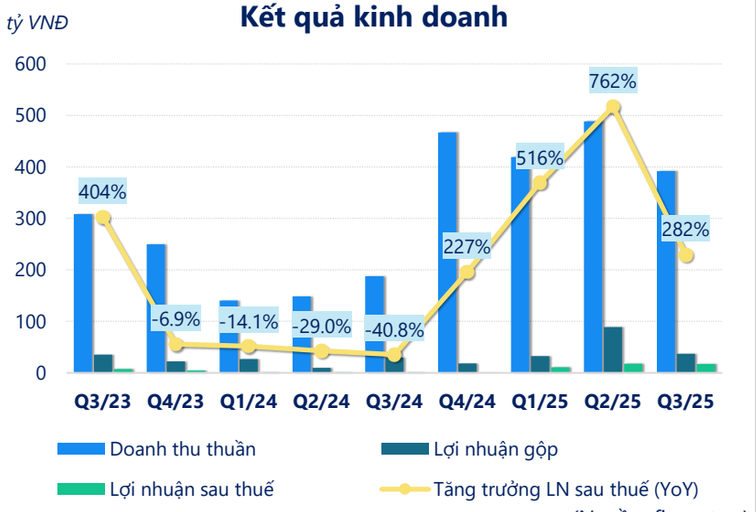

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

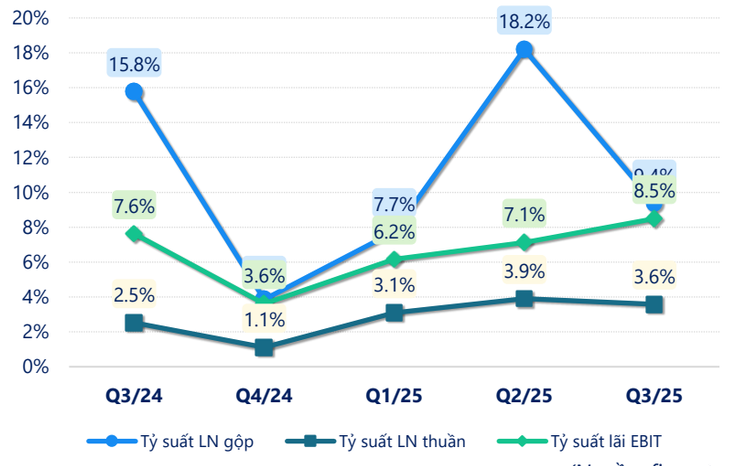

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

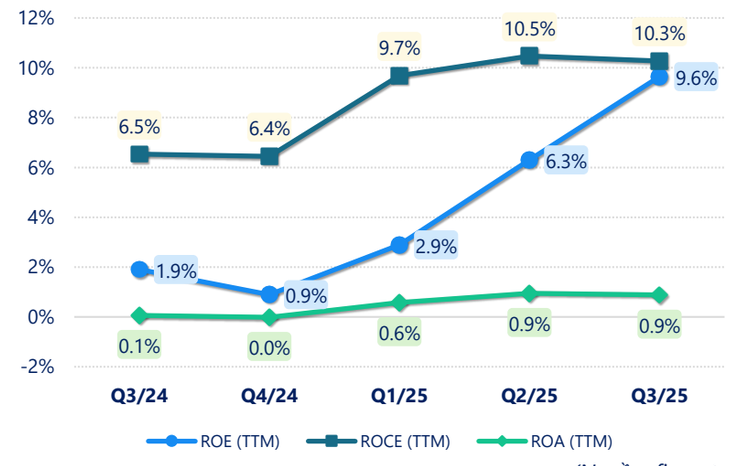

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

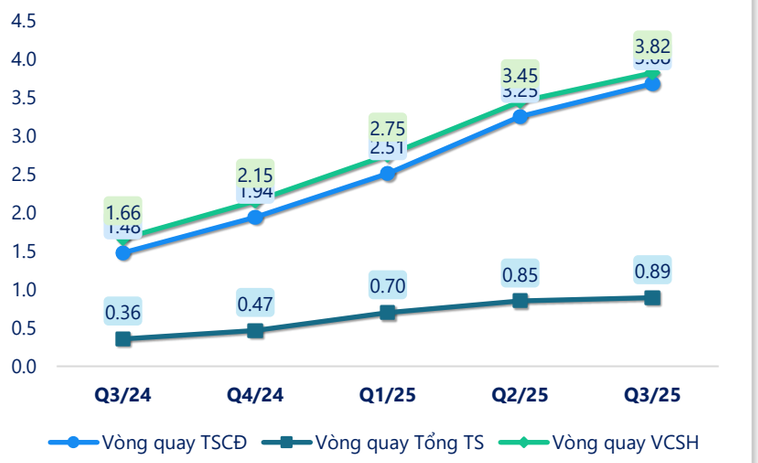

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

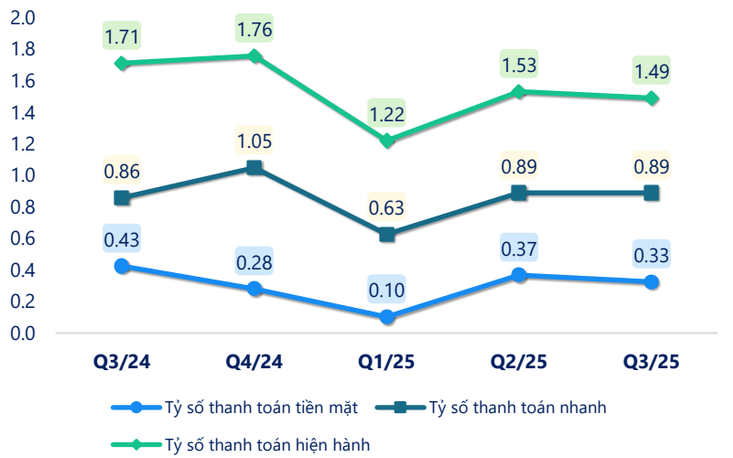

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

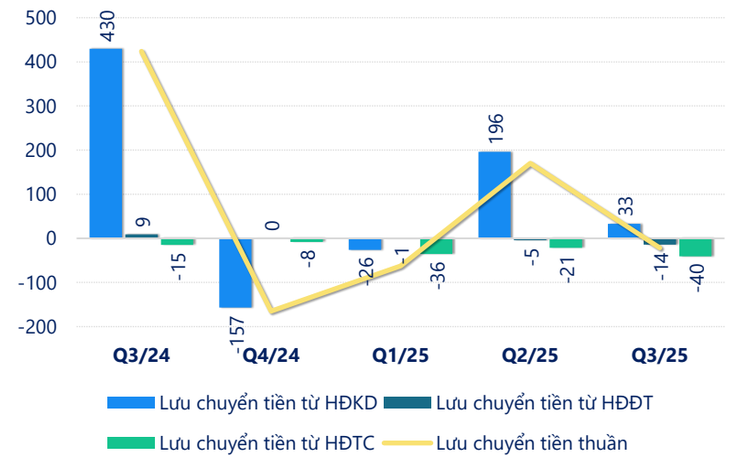

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,666**	**1,873**	**-11.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,134	1,358	-16.5%
Tiền và tương đương tiền	248	162	53.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.1	113	-40.7%
Phải thu ngắn hạn	357	390	-8.6%
Hàng tồn kho	458	693	-33.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.69	0.13	3521%
Tài sản dài hạn	**532**	**515**	**3.3%**
Phải thu dài hạn	30.1	26.7	12.8%
Tài sản cố định	486	470	3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.14	1.45	47.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**13.0**	**16.5**	**-21.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,182	1,433	-17.6%
Nợ ngắn hạn	**761**	**996**	**-23.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	556	631	-11.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	105	198	-47.3%
Nợ dài hạn	421	437	-3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	62.7	61.4	2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**484**	**440**	**10.1%**
Vốn chủ sở hữu	**484**	**440**	**10.1%**
Vốn điều lệ	363	363	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	188	467	419	489	392
Giá vốn hàng bán	158	449	387	400	355
Lợi nhuận gộp	29.6	18.0	32.4	88.9	36.7
Doanh thu HĐTC	0.00	22.8	0.01	5.71	3.61
Chi phí TC	17.4	14.2	13.0	21.4	16.0
Chi phí lãi vay	12.0	12.7	13.0	13.2	11.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.51	21.5	6.48	54.2	10.3
LN thuần từ HĐKD	4.73	5.19	13.0	19.1	14.1
Lợi nhuận khác	-2.47	-1.04	-0.07	2.57	7.75
LN trước thuế	2.26	4.16	12.9	21.7	21.8
Lợi nhuận sau thuế	0.99	0.17	10.6	17.5	17.1
LNST của CĐ cty mẹ	1.34	-0.28	10.1	17.4	17.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	430	-157	-26.1	196	33.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.76	0.26	-1.21	-4.56	-14.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.6	-8.50	-35.7	-21.2	-40.5
Tiền đầu kỳ	16.0	440	162	98.7	269
Lưu chuyển tiền thuần	**424**	**-165**	**-62.9**	**170**	**-21.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	440	275	98.7	269	248

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic